

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

8/24

Group

G08

Round

5

Board

1

WHITE GUO Hezi						FED CHN		RESULT (W) 1/2			
BLACK Zhou Yixin						FED CHN		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	ef	Qh5	41	Rg5	Kf7	61		
2	c4	e6	22	Qh5	g4	42	Rf5	Kg6	62		
3	Ng3	d5	23	Nf5	Lg6	43	Rg5	Kh7	63		
4	cd	Nd5	24	Ng3	f5	44	Rh5	Kg6	64		
5	Bg5	Be7	25	Ne2	Rf4	45	Rg5	Kf7	65		
6	e3	O-O	26	Rc7	Rab8	46	Rf5	Kg7	66		
7	Bd3	h6	27	a3	Ba5	47	Rg5	Kh7	67		
8	Bf4	Bg4	28	Rc5	Bb6	48	Rh5	Kg6	68		
9	Nf3	Nbd7	29	Re5	Rd2	49	Rg5		69		
10	O-O	c5	30	Ng3	Rb2	50			70		
11	dc	Nc5	31	Rf5	Rd8	51			71		
12	Be2	Nce4	32	Rg5	Kf7	52			72		
13	Rc1	Qa5	33	Rh5	e3	53			73		
14	Ne4	de	34	Rf5	Kg6	54			74		
15	Nd4	Be2	35	Rg5	Kf7	55			75		
16	Qe2	Nd5	36	Rf5	Kg6	56			76		
17	Nf5	Bb4	37	Rg5	Kf7	57			77		
18	Qb4	g6	38	Rf5	Kg6	58			78		
19	Nh6	Kh7	39	Rg5	Kh7	59			79		
20	Qh4	Nf4	40	Rh5	Kg6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Guo Hezi			Zhou Yixin			SGL					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026.8.24

Group

G08

Round

5

Board

1

WHITE GUO Hezi						FED CHN		RESULT (W) 1/2			
BLACK Zhou Yixin						FED CHN		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	ef	Qh5	41	Rg5	Kf7	61		
2	c4	e6	22	Qh5	g4	42	Rf5	Kg6	62		
3	Nc3	d5	23	Nf5	~~Rg6~~ Kg6	43	Rg5	Kh7	63		
4	cd	ed	24	Ng3	f5	44	Rh5	Kg6	64		
5	Bg5	Be7	25	Ne2	Rab8	45	Rg5	Kf7	65		
6	e3	O-O	26	Rc7	Rab8	46	Rf5	Kg7	66		
7	Bd3	h6	27	a3	Ba5	47	Rg5	Kh7	67		
8	Bf4	Bg4	28	Rc5	Bb6	48	Rh5	Kg6	68		
9	Nf3	Nbd7	29	Re5	Rd2	49	Rg5		69		
10	O-O	c5	30	Ng3	Rb2	50			70		
11	dc	Nxc5	31	Rf5	Rd8	51			71		
12	Be2	Nce4	32	Rg5	Kf7	52			72		
13	Rc1	Qa5	33	Rh5	e3	53			73		
14	Ne4	de	34	Rf5	Kg6	54			74		
15	Nd4	Be2	35	Rg5	Kf7	55			75		
16	Qe2	Nd5	36	Rf5	Kg6	56			76		
17	Nf5	Bb4	37	Rg5	Kf7	57			77		
18	Qb4	g6	38	Rf5	Kg6	58			78		
19	Nh6	Kh7	39	Rg5	Kh7	59			79		
20	Qh4	Nf4	40	Rh5	Kg6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Guo Hezi			Zhou Yixin			SGL					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group G8
Round 6
Board 2

WHITE						FED		CHN		RESULT(W)	
zheng jiantian										0	
BLACK						FED		CHN		RESULT(B)	
zha Yunxi										1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	b3	d5	21	Se2	Gf5	41			61		
2	Bb2	Nc6	22	b4	Nb5	42			62		
3	e3	e5	23	Qf2	Bb6	43			63		
4	Ba5	Bb6	24	Ba4	Bb5	44			64		
5	f4	Se2	25	Kh2	Bf3	45			65		
6	Nf3	f6	26	f9	Bf4	46			66		
7	fe	f6	27	ed	Nh5	47			67		
8	Se2	Nf6	28	Nd2	Rf6	48			68		
9	0-0	0-0	29	Qg2	Gf4	49			69		
10	h3	Nb4	30	Kh1	Rg6	50			70		
11	Gf1	a6	31	Gh2	Ng3	51			71		
12	Be2	Bf5	32	kg1	Ne2	52			72		
13	d3	Nc6	33	Kh1	Ng3	53			73		
14	a3	e4	34	kg1	Gd4	54			74		
15	de	Be4	35	kg2	Gd2	55			75		
16	Gd2	Bc5	36	kg1	Nf1	56			76		
17	Nf4	Bg6	37	Kh1	Gh2	57			77		
18	Bf3	Ra6	38	Re2	Rg1	58			78		
19	Re1	e4	39			59			79		
20	Nc6	bc	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
zheng jiantian			zha Yunxi			SSG					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group G8
Round 5
Board 2

WHITE Zhengji ~~zhengji~~ tian						FED CHN		RESULT (W) 0			
BLACK Zhayunxi						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	b3	d5	21	Qd2	Qb5	41			61		
2	Bg2	Nc6	22	b4	Nb3	42			62		
3	e3	e4	23	Qf2	Bb6	43			63		
4	Bb5	Bd6	24	Ba5	Bh5	44			64		
5	f4	Qe7	25	Kh2	Rf3	45			65		
6	Nf3	f6	26	gf	Bd8	46			66		
7	fe	fe	27	Exd4	Nh4	47			67		
8	Re2	Nf6	28	Na2	Rf6	48			68		
9	O-O	O-O	29	Qd5	Qd5	49			69		
10	h3	Nb5	30	RKh1	Rb6	50			70		
11	Qd1	h6	31	Qh2	Ng3	51			71		
12	Be2	Bf4	32	kg1	Ne2	52			72		
13	d3	Nc6	33	Kh1	Ng3	53			73		
14	a3	e4	34	kg1	Qxd4	54			74		
15	de	Bxd4	35	kg2	Qxe2	55			75		
16	Qd2	Bc5	36	kg1	Nff	56			76		
17	Bb6	Bb6	37	Kh1	Qxh2	57			77		
18	Bf3	Ra6	38	Re2	Rg1	58			78		
19	Re1	Ne4	39			59			79		
20	Nf6	bc	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
zhengji tian			Zhayunxi			SSG					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/24

Group G108
Round 5
Board 3

WHITE						FED CHN				RESULT (W) 0	
BLACK						FED CHN				RESULT (B) 1	
Tang Yinlong											
Wang Yingluo											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C4	C5	21	A4	M4	41	G4	F9	61	Kh1	M3
2	NC3	NC6	22	BC1	RC8	42	F9	h6	62	Kg2	Kg4
3	G3	G6	23	Rxc8	Rxc8	43	Ke4	Ke6	63	Kh1	M4
4	Bg2	Bg7	24	Nb5	Ne5	44	BC5	h5	64	Kh2	h4
5	Nf3	Nf6	25	A5	NC6	45	gh	gh	65	Kg2	M5
6	O-O	O-O	26	ab	ab	46	Bb6	b4	66	Kh2	h3
7	d3	d5	27	Bd2	BRd8	47	Cb	Nxb4	67	Kg1	Kg3
8	Cd	Nxd5	28	Bf4	Ra8	48	Kd4	C3	68	Kh1	Nd6
9	Bd2	e6	29	NC3	Ra1	49	Ke4	C2	69	Kg1	Ne4
10	RC1	b6	30	RC1	Rxc1	50	BE3	Ma2	70	Kh1	Nf2+
11	E4	Mb4	31	Bxc1	Bxc3	51	Kf4	Kf6	71	Kg1	h2+
12	Be3	Qxd3	32	bc	C4	52	Bd4+	Kg6	72	Kf1	h1=Q
13	a3	Qxd1	33	Ke2	f5	53	BE3	Cl=Q	73	Ke2	Md3
14	Rfxd1	Na6	34	ef	ef	54	Bxc1	Nxc1	74	Kd2	Qe4
15	Bf1	NC7	35	Ke3	Kg7	55	Ke4	Ne2	75	KC3	Kf2
16	RC2	Ba6	36	f3	Kf6	56	Kf3	Md4+	76	KC2	Ke2
17	Rd7	Rxf1	37	Ba3	b5	57	Kd4	Na4+	77	KC3	Qb4+
18	Rxc7	Ne5	38	BC5	Ke5	58	Kh3	Kf6	78	KC2	Qb2+
19	Kxf1	Nxf3	39	Bb6	Ke6	59	Kh2	Nxh4	79		
20	h4	Ne5	40	Kf4	Kf6	60	Kg1	Kg5	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Tang Yinlong			Wang Yingluo			ZSH					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/24

Group G108
Round 5
Board 3

WHITE Tang, Yintong						FED CHN		RESULT (W) 0			
BLACK Wang, Yingluo						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c5	21	a4	Nc4	41	~~Ke4~~ f4	~~f4~~ f4	61	Kh1	Nf3
2	Nc3	Nc6	22	~~Nc1~~ Bc1	Rc8	42	f4	f4 h6	62	Kf2	Kf4
3	g3	g6	23	Rc8	Rc8	43	~~Ke4~~ Ke4	~~Ke4~~ Ke6	63	Kh1	Nd6
4	Bg2	Bg7	24	Nb5	Nb5	44	Bc5	h5	64	Rh2	h4
5	Nf3	Nf6	25	a5	Nc6	45	g4	g4	65	Kg2	Nf5
6	O-O	O-O	26	a6	a6	46	Bb6	b4	66	Kh2	h3
7	d3	d5	27	Bd2	Rd8	47	c6	Nb4	67	Qg1	Qg3
8	cd	Nd5	28	Bf4	Ra8	48	Kd4	c3	68	Kh1	Nd6
9	Bd2	e6	29	Nc3	Ra1	49	Ke4	c2	69	Qg1	Nd6
10	Rc1	b6	30	Rc1	Rc1	50	Be3	Ma2	70	Kh1	Nf2
11	e4	~~Nd4~~ Nd4	31	Bc1	Be3	51	Kf4	Kf6	71	Qg1	h2
12	~~Be3~~ Be3	Qd3	32	bc	c4	52	Bd4	Kg6	72	Kf1	h1=Q
13	a3	Qd1	33	Ke2	f5	53	Be3	c1=Q	73	Ke2	Nd3
14	Rfxd1	Na6	34	ef	~~ef~~ ef	54	Bc1	Nc1	74	Kd2	Qe4
15	Bf1	Nc7	35	Ke3	Kg7	55	Ke4	Nb2	75	Kc3	Kf2
16	Rc2	Ba6	36	f3	Kf6	56	Kf3	Nd4	76	Kc3	Ke2
17	Rd7	Bf1	37	Ba3	b5	57	Kg3	Nf5	77	Kc3	Qb4
18	Rxc7	Ne5	38	Bc5	Ke5	58	Kh3	Kf6	78	~~Ke2~~ Ke2	Qb2
19	Kxf1	Nf3	39	Bb6	Ke6	59	Kh2	Nh4	79		
20	~~h4~~ h4	Ne5	40	Kf4	Kf6	60	Kg1	Kg5	80		
SIGNATURE (WHITE) Tang Yintong			SIGNATURE (BLACK) Wang Yingluo			SIGNATURE (ARBITER) ZSH					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.24

Group G8
Round 5
Board 4

WHITE						FRD		KOR		RESULT (W)	
BLACK						FRD		CHN		RESULT (B)	
Gong, zi yi ~~xuan~~ xuan											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e5	21	Bxe5	f7	41	h4	~~gxf3~~	61	Kxd4	f4
2	~~nc3~~	Nf6	22	Bg3	Rf8	42	af3	aeb	62	Ke5	f3
3	Nf3	nc6	23	ab3	Qe4	43	ab3	Qf5	63	Kd6	f2
4	e3	d5	24	f3	Qd3	44	OK91	Qd7	64	Kc6	f1=af1
5	~~exd4~~	exd4	25	~~kg1~~	~~af3~~	45	Qd3	f5	65	Kd6	Qf8
6	~~exd4~~	~~af3~~	26	Qxb7	Qc3	46	af3	Qeb	66	Kd5	Kh4
7	~~af3~~	~~af3~~	27	Rd1	Qa3	47	af1	Qe3	67	cb	ac8
8	~~af3~~	~~af3~~	28	Qb1	Qe3	48	af2	Qxf2	68	Kd6	K95
9	Be2	Ne4	29	Bf2	B95	49	Kf2	R98	69	Kc5	Kf5
10	Qc2	Bf5	30	Re1	Re1	50	g3	R94	70	Kb6	Ke6
11	0-0	N93	31	Qe1	Kf7	51	~~Be3~~	~~R94~~	71	Kc5	Ke5
12	Bd3	~~af3~~	32	Be3	af5	52	~~Be3~~	~~R94~~	72	Kb6	Kd6
13	~~af3~~	Nf1	33	Qa5	Qd7	53	~~Be3~~	~~R94~~	73	Ka7	ac7
14	Kf1	h6	34	Bf4	ab7	54	~~Be3~~	~~R94~~	74	Ka8	ac6
15	c5	Qf6	35	h3	g5	55	Kf1	~~R94~~	75	Ka7	Qb5
16	Be3	Q96	36	Bd6	ab	56	~~Be3~~	~~R94~~	76	Ka8	Kc7
17	Qd2	Na5	37	Qb6	Qd7	57	~~Be3~~	~~R94~~	77	Ka7	ab7
18	Qd1	NC4	38	Qab	n5	58	~~Be3~~	~~R94~~	78		
19	Bf4	Rac8	39	Kf2	g4	59	Kd4	~~R94~~	79		
20	Ne5	Nxe5	40	Qd3	Rh8	60	~~Be3~~	~~R94~~	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
LYB			Gong, zi yi			sin					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/23

Group g08
Round 5
Board 4

WHITE oh.yeram						FED KOR		RESULT (W) 0			
BLACK Gong. zixuan						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C4	C5	21	Bx65	f6	41	h4	axf3	61	Kxd4	f4
2	nc3	Nf6	22	Bg3	Rf8	42	axf3	Qe6	62	Ke5	f3
3	Nf3	nc6	23	~~Qb3~~	~~Qe4~~	43	Qb3	Qf5	63	Kd6	f2
4	~~axf3~~	d5	24	f3	Qc3	44	Kg1	Qd7	64	Kxc6	f1=f3
5	d4	exd4	25	Kg1	C6	45	Qd3	f5	65	Kd6	Qf8
6	exd4	Bxb4	26	Qxb7	Qc3	46	Qf3	Qe6	66	Kd5	Kxh4
7	a3	Bxc3	27	Rd1	Qxa7	47	Qf1	Qe3	67	C6	Qc8
8	bxc	0-0	28	Qb1	Qe3	48	Qf2	Qxf2	68	Kd6	Kc5
9	Be2	Nf4	29	Bf2	Qe5	49	Kxf2	Rg8	69	Kc5	Kf5
10	Qc2	Bf5	30	Re1	Rxe1	50	~~Bg3~~	~~R94~~	70	Kd6	Ke6
11	0-0	Ng3	31	Qxb1	Kf7	51	~~Rg~~		71	Kc5	Kc5
12	Bd3	Bb3	32	Be3	Qf5	52	g3	Rg4	72	Kd6	Kd6
13	Qxb3	Nxf1	33	Qa5	Qd7	53	Bb5	Rc4	73	Ka7	Qd7
14	Kxf1	h6	34	Bf4	Qb7	54	Kf3	Kc6	74	Ka8	Qxc6
15	C5	Qf6	35	h3	G5	55	Kf2	Rxc5	75	Ka7	Qb5
16	Bb3	Qg6	36	Ed6	~~Qe6~~	56	axb5	Kxc5	76	Ka8	Kc7
17	Qd2	Na5	37	Qb6	Qd7	57	Kf3	~~R94~~	77	Ka7	Qd7
18	Qd1	Nc4	38	Qxa6	h5	58	~~Kc2~~	~~Kc4~~	78		
19	Bf4	Rac8	39	Kf2	g4	59	Kd2	Kf3	79		
20	Nf5	Nxe5	40	Qd3	Rh8	60	Kd3	Kxg7	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
LYB			Gong. zixuan			sin					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

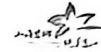


Date 2026.8.24

Group G8
Round 5
Board 5

WHITE						FED		RESULT (W)			
Hong, Yi Fan						TPE		0			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Margud-Zedene A						MGL		558			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c5	21	h e3	h e2	41	d5	h e6	61		
2	h e3	h e6	22	h e3	h h6	42	h e3	h e6	62		
3	h e3	h e6	23	h e3	h e6	43	h e3	h e6	63		
4	e3	g4	24	h e3	h h5	44	d e	h e6	64		
5	d4	c d	25	h e3	h e6	45			65		
6	e d	d5	26	h e3	h e6	46			66		
7	c d	h d5	27	h e3	h e6	47			67		
8	h e3	h e6	28	h e3	h e6	48			68		
9	h e3	h e6	29	h e3	h e6	49			69		
10	h e3	h e6	30	h e3	h e6	50			70		
11	h e3	h e6	31	h e3	h e6	51			71		
12	h e3	h e6	32			52			72		
13	h e3	h e6	33			53			73		
14	h e3	h e6	34			54			74		
15	h e3	h e6	35			55			75		
16	h e3	h e6	36			56			76		
17	h e3	h e6	37			57			77		
18	h e3	h e6	38			58			78		
19	h e3	h e6	39			59			79		
20	h e3	h e6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
Hong, Yi Fan						Margud-Zedene A		SSH			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 15.8.24

Group G08
Round 5
Board 5

WHITE						FED		RESULT (W)			
BLACK						FED		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C4	C5	21	Nxe3	Rxe3	41			61		
2	Nc3	Nc6	22	Bh6	Rf3	42			62		
3	Nf3	Nf6	23	Bxc1	Rxc1	43			63		
4	e3	d6	24	f5	g3	44			64		
5	d4	cxd4	25	Kf1	Rb1	45			65		
6	Cxd4	af5	26	b5	Re3	46			66		
7	Cxd5	Nxd5	27	Kf6	Rb1	47			67		
8	Bb5	Bg7	28	Red8		48			68		
9	Qd0	0/0-0	29	f4	af5	49			69		
10	Re1	deb	30	Re5	Cxb4	50			70		
11	Ng5	Nxc3	31	xb4	axb4	51			71		
12	Bxc3	Bd1	32	d5	Rd6	52			72		
13	Bxb3	Re3	33	Kf2	Rab	53			73		
14	Qb3	ed6	34	Rxc6	Rxc6	54			74		
15	Re4	Qb2	35	axb6	Rxb6	55			75		
16	Bxb3	Qxb3	36			56			76		
17	Qb	Qg5	37			57			77		
18	Qxg5	Nxg5	38			58			78		
19	Nc4	Bc1	39			59			79		
20	Rac8	Ne3	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
HONG, YI-FAN			MARGUD-ZEDENE			SSH					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
24 Aug 26

Group
G08

Round
5/9

Board
6

WHITE Tay Sin En Synie						FED SGP		RESULT (W) 0			
BLACK Wu shihua						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nxg5	kg6	41	kxh3	Qh5	61		
2	Nf3	Nc6	22	Rf1	f8	42	kg2	Qe2	62		
3	Nc3	e5	23	Nf3	Rh3	43	kh1	Qxc2	63		
4	Bc4	Be7	24	Kf2	b5	44	Rf1	Kf5	64		
5	d3	Nf6	25	Bd5	Rb8	45	kg1	Qxb2	65		
6	Be3	d6	26	a5	Qc7	46	Bb1	d4	66		
7	h3	a6	27	Rh1	Raf3	47	Rf2	Qxb1	67		
8	a4	h6	28	Qe1	Bc6	48	Re1	Qxd3	68		
9	Qd2	Bd7	29	Bg2	f5	49	Rxf4	Kxf4	69		
10	O-O	Qc8	30	kg1	f4	50	kh2	Qe2	70		
11	Nd5	Nxd5	31	Nh4	Kf6	51	kh3	Bg2	71		
12	Bxd5	Nb4	32	g3	g5	52	kh2	Bf3	72		
13	Bb3	Nc6	33	Nf5	b4	53	kh3	Qe6	73		
14	Qc3	O-O	34	gxf4	gxf4	54	kh2	Qa2	74		
15	Nh2	Kh7	35	Qf1	d5	55	kh3	Qxa5	75		
16	f4	exf4	36	Ng3	Rfg8	56	kh4	Qd8	76		
17	Rxf4	Bg5	37	Kh2	Rxg3	57	kh3	Qg5	77		
18	Rf3	Ne5	38	e5	Qxe5	58	kh2	Qg3#	78		
19	Bxg5	Nxf3	39	Rg1	Rhxh3	59			79		
20	Nxf3	hxg5	40	Qxh3	Rxh3	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Synie			SIGNATURE (BLACK) Wu shihua			SIGNATURE (ARBITER) Zui					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.24

Group
G8

Round
5

Board
6

WHITE Tay Sin En Synie						FED SGP		RESULT (W) 0			
BLACK Wu shihua						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Ng5	kg6	41	Kh3	Qh5	61		
2	Nf3	Nc6	22	Rf1	f8	42	kg2	Qe2	62		
3	Nc3	e5	23	Nf3	Rh8	43	Kh1	Qc2	63		
4	Bc4	Be7	24	Kf2	b5	44	Rf1	Kf5	64		
5	d3	Nf6	25	Bd5	Rb8	45	kg1	Qb2	65		
6	Be3	d6	26	a5	Qc7	46	Bb1	d4	66		
7	h3	a6	27	Rh1	Rf8	47	Rf2	Qb1	67		
8	a4	h6	28	Qe1	Bc6	48	Rf1	Qd3	68		
9	Qd2	Bd7	29	Ba2	f5	49	Rf4	Kf4	69		
10	O-O	Qc8	30	kg1	f4	50	Kh2	Qe2	70		
11	Nd5	Nd5	31	Nh4	Kf6	51	Kh3	Bg2	71		
12	Bd5	Nb4	32	g3	g5	52	Kh2	Bf3	72		
13	Bb3	Nc6	33	Nf5	b4	53	Kh3	Qe6	73		
14	Qc3	O-O	34	g4	g4	54	Kh2	Qa2	74		
15	Nh2	Kh7	35	Qf1	d5	55	Kh3	Qa5	75		
16	f4	ef	36	Ng3	Rfg8	56	Kh4	Qd8	76		
17	Rf4	Bg5	37	Kh2	Rg3	57	Kh3	Qg5	77		
18	Rf3	Ne5	38	e5	Qe5	58	Kh2	Qg3#	78		
19	Bg5	Nf3	39	Rg1	R8h3	59			79		
20	Nf3	hg	40	Qh3	Rh3	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Synie			SIGNATURE (BLACK) Wu shihua			SIGNATURE (ARBITER) Shi					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.27

Group
Round 5
Board 7

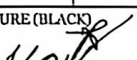
WHITE Mohd Shahrul Annuar, Nur Aara Daniel						FED		RESULT (W) 0			
BLACK Nomundari						FED		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	~~Ne2~~ Nd4	~~Ne4~~ Nd4	41	c4	h5	61		
2	d4	d5	22	Nd4	h6	42	f4	g4+	62		
3	Ne2	c5	23	c3	Ne4	43	Hf3	Hf5	63		
4	f5+	Td7	24	Td2	Ne6	44	h4	~~Ne5~~ Hf5	64		
5	Td7+	Ed7	25	Tdax	Hf8	45	Hf2	He4	65		
6	d6	Tc5	26	Ne2	Td2	46	He2	f3+	66		
7	Ne3	Tb5	27	Td2	Td8	47	Hf2	Hf4	67		
8	Ed	Ed5	28	Td8	He8	48	Hf1	Hg3	68		
9	Ed5	Ed	29	Ne4	Ne4	49	Hg1	Hh4	69		
10	Ne3	Ne6	30	Ne3	b6	50	Hf2	Hg4	70		
11	O-O	O-O	31	Hf1	He7	51	Hf1	Hg3	71		
12	Tf4	Ne6	32	He2	He6	52	Hg1	h4	72		
13	a3	Td8	33	g4	g6	53	c5	bc	73		
14	Td8	Ng4	34	f3	g5	54	Hh1	cl	74		
15	Tg3	a5	35	Hf2	f5	55	Hg1	c3	75		
16	h3	Ne6	36	g+	Hf5	56	Hh1	c2	76		
17	f4	Ne7	37	h b4	Ne2	57	Hg1	~~Td1~~ Td1	77		
18	Te3	Te3	38	Ne5	Ne4	58			78		
19	~~Te3~~	Ne5	39	Ne3	Ne3	59			79		
20	Td1	g4	40	He3	He5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group 608
Round 5
Board 7

WHITE						FED		RESULT (W)			
Nar Aara						Mns		0			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Nomundari						Mgl		1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Nd4	Nxd4	41	c4	h3	61		
2	d4	d5	22	Nxd4	h6	42	f4	gxf4	62		
3	Nd2	c5	23	c3	~~Ne4~~ Ne4	43	xf3	kf5	63		
4	Bb5	Bd7	24	Re2	Nd6	44	h4	ke5	64		
5	Bxd7	Qxd7	25	Rae1	kf8	45	kf2	ke4	65		
6	dxc5	Bxc5	26	Nc2	R ^{e2} ~~ae2~~	46	ke2	f3	66		
7	Nb3	Bb6	27	Rxb2	Re8	47	kf2	kf4	67		
8	exd5	Qxd5	28	Rxb2	kxb8	48	kf1	ky3	68		
9	Qxd5	exd5	29	Nb4	Nc4	49	ky1	kxb4	69		
10	Nf3	Nf6	30	Nd2	b6	50	kf2	kg4	70		
11	O-O	O-O	31	kf1	ke7	51	kf1	kg3	71		
12	Bf4	Nc6	32	ke2	ke6	52	kg1	h4	72		
13	a3	Rfe8	33	g4	g6	53	c5	Bxc5	73		
14	Rfe1	Ng4	34	f3	~~ke2~~ ke2	54	kh1	c4	74		
15	Bg3	a5	35	kf2	f5	55	kg1	c3	75		
16	h3	Nf6	36	gxf5	kxf5	56	kh1	c2	76		
17	Bf4	Ne7	37	Nb4	Nxb2	57	kg1	cl=Re	77		
18	Be3	Bxe3	38	Nxd5	Nc4	58			78		
19	Rxe3	Nf5	39	Ne3+	Nxe3	59			79		
20	Re1	g4	40	kxe3	ke5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24/08/2026

Group

G08

Round

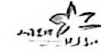
5

Board

6

WHITE Truc						FED VIE						RESULT (W) 1-0 - 1-0	
BLACK Kannaphat						FED THA						RESULT (B) 1-0 - 1-0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	e5	21	ad	Re1	41	g3	hg	61	af = H	Ve6		
2	Nf3	Nc6	22	Rxc1	Qd6	42	Fg	af	62	Hd5	Ve7		
3	Bc4	Nf6	23	Qc3	Rh9	43	VF3	B4	63	h7	VF8		
4	d3	Bc5	24	Ne5	Ne5	44	B3	Vg5	64	h7 = H	Ve7		
5	c3	O-O	25	de	Hc7 Qe7	45	h4	Vh Vh5	65	Hg7	Ve8		
6	O-O	h6	26	Qe6	Qe7	46	VF4	Vg6	66	Hg8#			
7	Nbd2	d6	27	QF3	Ng5	47	Vg4	Vh6	67				
8	Re1	h4 Bg4	28	Qe3	Qe7	48	h5	Vg7	68				
9	h3	Bh5	29	NF5	Qd7	49	MF5 +	Vh7	69				
10	NF1	Re8	30	Xd1	Qc8	50	Vg5	Vh8	70				
11	Ng3	Me7	31	xd8	Hd8	51	h6	Vh7	71				
12	Nh5	Ng6	32	Q6	HF6	52	Me5	Vh8	72				
13	Ng3	Q6	33	QF	MF7	53	Mc6	Vh7	73				
14	d4	ed	34	He8	Vh7	54	Ma5	Vh8	74				
15	cd	hb4	35	HF7	HF7	55	Mc6	Vh7	75				
16	Bd2	Bxd2	36	TF7	g6	56	Mb4	Vh8	76				
17	Qxd2	b5	37	Mc3	Vg7	57	a4	Vg7	77				
18	Bb3	c6	38	Tg6	Vg6	58	a5	VF7	78				
19	Xa Bcd1	Qd1	39	VF1	Xh5	59	ab	Ve7	79				
20	E5	Nh7	40	Ve2	h4	60	a7	Vd7	80				
SIGNATURE (WHITE) Truc						SIGNATURE (BLACK) Kannaphat k.						SIGNATURE (ARBITER) S S Y	

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24/8/2026

Group

G 8

Round

5

Board

8

WHITE Huynh Thanh Truc						FED ~~VIE~~ VIE						RESULT (W) 1	
BLACK Kannaphat k.						FED THA						RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	c4	e5	21	exd6	Rxe1	41	g3	hxg3	61	a8=Q	Ke6		
2	Nf3	Nc6	22	Rxe1	Qxd6	42	fxg3	a5	62	ad5	Ke7		
3	Bc4	Nf6	23	Qc3	Rd8	43	xf3	b4	63	h7	Kf8		
4	d3	Bc5	24	Ne5	Nxe5	44	b3	kg5	64	h8=Q	Ke7		
5	c3	O-O	25	dxe5	a8	45	h4	Kh5	65	ag7	Ke8		
6	O-O	h6	26	Qxe6	Qa7	46	ff4	kg6	66	Qg8			
7	nd2	d6	27	Qf3	Ng5	47	kg4	Kh6	67				
8	Re1	Bg4	28	~~Qe3~~	~~Qe1~~	48	h5	kg7	68				
9	h3	Bh5	29	Nf5	Qd7	49	Nf5	Kh7	69				
10	Nf1	Rg8	30	~~Qe3~~	Qc8	50	kg5	Kh8	70				
11	Ng3	Ne7	31	Rxd8	axd8	51	h6	Kh7	71				
12	Nxh5	Ng6	32	e6	Qf6	52	Ne7	Kh8	72				
13	Ng3	a6	33	exf7	Nxf7	53	Nc6	Kh7	73				
14	d4	exd4	34	Qe8	Kh7	54	Nxa5	Kh8	74				
15	Cxd4	Bb4	35	Qxf7	Qxf7	55	Nc6	Kh7	75				
16	Bd2	Bxd2	36	Bxf7	g6	56	Nxb4	Kh8	76				
17	Qxd2	b5	37	Ne3	kg7	57	a4	kg8	77				
18	Bb3	c6	38	Bg6	Kxg6	58	a5	Kf7	78				
19	Rd1	Qd7	39	Kf1	h5	59	a6	Ke7	79				
20	e5	Nh7	40	Ke2	h4	60	a7	Nd7	80				
SIGNATURE (WHITE) Truc						SIGNATURE (BLACK) Kannaphat k.						SIGNATURE (ARBITER) S S Y	

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group G8
Round 5
Date 24 AUG Board 9

WHITE						FED		INA		RESULT (V)							
wening Pangestika Nirmala										0							
BLACK						FED		SGP		RESULT (H)							
Lee Xin En Zoe										1							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK						
1	e4	c6	21	Kd6	Re6	41	Re8	Rb2	61	g4	Rh2						
2	d3	d5	22	Nc4	Re3	42	Bxc2	b3	62	Kf3	Kd5						
3	Nd2	e5	23	Rc1	b5	43	Rob3	Rb3	63	Kc3	Kd4						
4	Nf3	Bd6	24	Ne3	Rd1	44	Rc1	kg2	64	Kh2	Kc3						
5	g2	Nf6	25	Rd1	K3	45	Kf1	Rd4	65	Kc3	KD4						
6	Bg2	Bg4	26	Qa1	Qb1	46	Kc2	Rc4+	66	f5	g5						
7	O-O	O-O	27	Rc1	Rb6	47	Kd3	Kc5	67	g5	K55						
8	h3	Bh5	28	Bxc2	Nc4	48	Rc1	Rb5	68	Kc5	h5						
9	c3	Nd7	29	Rc1	Rb6	49	Rc1	Rb2	69	Kc5	Kc4						
10	Re1	Rc1	30	Rc1	Rb6	50	Kd5	Rh2	70	Kc2	Kf4						
11	Bxb4	c5	31	Nd7	Kd7	51	h4	Rg2	71	Kh3	Kf3						
12	g3	Qc2	32	Qc2	Nf6	52	Rh5	Kg2	72	Kh2	R4						
13	Bb2	Rd8	33	Bf6	Rd8	53	Kc5	Rc2+	73	Kh3	R4						
14	Rc1	Qb6	34	Rc1	h6	54	Kc4	Kg2	74	Kh2	Kg4						
15	Qb3	Re2	35	Rb3	Rd6	55	Re5	Rc2	75	Kc2	P3+						
16	de5	c6	36	Qc5	Qc6	56	Kc4	Rf2	76	Re2	Kf4						
17	Qb2	Qf3	37	Re2	Kh1	57	Kf3	Kc2	77	Kc1	Kg3						
18	Qf3	a5	38	Bc2	Rd2	58	Rc2	Rf2	78	Kc1	Kh4						
19	Re1	Alax	39	Qf1	g6	59	Rf3	Rc2	79	Kf2	Kc4						
20	Qc5	Qd6	40	Bb3	Q2	60	Re5	Kc5	80	Kf1	Kg3						
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)					
AMM						J						JSH					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group G8
Round 5
Date 24 AUG Board 9

WHITE						FED INA						RESULT (V) 0		
BLACK						FED SGP						RESULT (H) 1		
Leexin En Zop														
	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kc1	h4	21			41			61					
2	Kc1	Kf2	22			42			62					
3	Kc2	Ke2	23			43			63					
4	Kc1	f2	24			44			64					
5	Kc1	f1	25			45			65					
6	Kc2	h3	26			46			66					
7	Kc3	h2	27			47			67					
8	Kc2	Qf5	28			48			68					
9	Kc1	Qg6	29			49			69					
10	Kc2	Kf1	30			50			70					
11	Kc1		31			51			71					
12			32			52			72					
13			33			53			73					
14			34			54			74					
15			35			55			75					
16			36			56			76					
17			37			57			77					
18			38			58			78					
19			39			59			79					
20			40			60			80					
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)		
AMM						8						JSH		

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group G08
Round 5
Date 24 AUG Board 9

WHITE							FED		RESULT (V)		
Pangestika Nirmala Wening							INA		0		
BLACK							FED		RESULT (H)		
Lee Xin En Zoe							SGP		)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	R4	C6	21	Nxg6	Re6	41	Ra8	Rb2	61	g4	Rh2
2	d3	d5	22	Nc4	Rc8	42	Bxg2	b3	62	Kf3+	Kd5
3	Nd2	e5	23	af1	b5	43	Bxb3	Rxb3	63	Kc3	Kd4
4	Nf3	Bd6	24	Ne3	Rxc1	44	Rd7	kg8	64	Kxh2	Kxe3
5	g3	Nf6	25	Rxc1	Bxg2	45	Kf1	Rb4	65	Kc3	Ke4
6	Bg2	Bg4	26	Bd1	Qb7	46	Ke2	Ke4	66	f5	gxf5
7	O-O	O-O	27	Rb1	Rb6	47	Kd3	Rxc4	67	gxf5	gxf5
8	h3	Bh5	28	Qc2	b4	48	f4	Rb5	68	Kf3	h5
9	c3	Nb7	29	Nc4	Rd6	49	Kc4	Rb2	69	Kc3	Ke4
10	Re1	Re8	30	Nxg5	Re6	50	Kd5	Rh2	70	Kc2	Kf5
11	b4	c5	31	Nxg7	Nxg7	51	h4	Rd2	71	Kh3	Kf3
12	g5	Qc7	32	Qg4	Nf6	52	Rd3	kg7	72	Kh2	f5
13	Bb2	Rd8	33	Bxf6	Rxf6	53	Ke5	Re2+	73	Kh3	f4
14	Rc1	Qb6	34	Rc1	h6	54	Kd4	Kf6	74	Kh2	Kg4
15	Qb3	dxc4	35	Bd3	Rd6	55	Re3	Rd2	75	Kc2	f3+
16	dxc3	cxb4	36	Qc8+	Qxc8	56	Ke4	Rf2	76	Kf2	Kf4
17	cxb4	Bxf3	37	Rxc8+	Kh7	57	Rf3	Rd2	77	Kf1	Kc3
18	Qxf3	a5	38	Bc2	Rd2	58	Rc3	Rf2	78	Kc1	Kxh4
19	Re1	Qxb4	39	e5+	g6	59	Rf3	Rd2	79	Kf2	Kc4
20	Nc4	Qd6	40	Qb3	Q2	60	Re3	Ke6	80	Kf1	Kc3
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
AMM						J			JSH		

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group G08
Round 5
Date 24 AUG Board 9

WHITE: Pangestika Nirmala Wening						FED			RESULT (V) 0		
BLACK: Lee Xin En Zoe						FED			RESULT (H) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kc1	h4	21			41			61		
2	Kh1	Kf2	22			42			62		
3	Kh2	Ke2	23			43			63		
4	Kc1	f2	24			44			64		
5	Kc2	F1=94	25			45			65		
6	Kh2	h3	26			46			66		
7	Kc3	h2	27			47			67		
8	Kxh2	Qc4+	28			48			68		
9	Kh1	Qc4	29			49			69		
10	Kh2	Kf1	30			50			70		
11	Kh1	Qc1#	31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
AMM			J			JSH					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24 Aug

Group 58

Round 5

Board 10

WHITE						FED			RESULT (W)		
Nishigawa, Aona						JPN			0		
BLACK						FED			RESULT (B)		
Ng Yan Ning						SGP			1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Ra5	Qd7	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Qa4	Qe7	42			62		
3	Bc4	Bc5	23	Rb5	Nh7	43			63		
4	d3	h6	24	~~Rb6~~	Nxb6	44			64		
5	Nc3	Vf6	25	Rb6	Qh4	45			65		
6	Be3	Bxe3	26	Rb7	Qg3	46			66		
7	fxc3	dg	27	~~Rb7~~	~~Qg3~~	47			67		
8	h3	Be6	28	~~Rb7~~	~~Qg3~~	48			68		
9	Bd3	o-o	29	~~Rb7~~	~~Qg3~~	49			69		
10	o-o	Qd7	30	Qc2	2xc6	50			70		
11	d4	~~Rb6~~	31	dxcc	cd4	51			71		
12	qxb3	Ra4g	32	Rf2	Rc8	52			72		
13	d5	Ne7	33	Rd2	Rxc6	53			73		
14	Rxa7	b6	34	Kf2	Ke7	54			74		
15	Qa1	Nc8	35	c3	bxc3	55			75		
16	Ra3	c6	36	~~te3~~	klb	56			76		
17	Nd2	c5	37	Rd3	Ng5	57			77		
18	Qa2	Rc1	38	1cf3	1c2	58			78		
19	Nd4	b5	39	Nxe4		59			79		
20	Nxb5	Qxb3	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
aona			Ng Yan Ning			994					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/24/2026

Group 58

Round 5

Board 10

WHITE						FED			RESULT (W)		
Nishigawa Aona						JPN			0		
BLACK						FED			RESULT (B)		
Ng Yan Ning						SGP			1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Ra5	Qd7	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Qa4	Qe7	42			62		
3	Bc4	~~Bc5~~	23	Rb5	Nh7	43			63		
4	d3	h6	24	Nb6	Nxb6	44			64		
5	Nc3	Nc6	25	Rxb6	Qh4	45			65		
6	Be3	Bxe3	26	Rb7	Qg3	46			66		
7	fxc3	db	27	Rf3	Qg3	47			67		
8	h3	Be6	28	Rxf7	Rf7	48			68		
9	Bb3	o-o	29	Rxf7	Qxf7	49			69		
10	o-o	Qd7	30	b4	Qc7	50			70		
11	d4	Bxb3	31	Qc6	Qxc6	51			71		
12	axb3	Rad8	32	dxcb	Rf2	52			72		
13	d5	Ne7	33	Rc8	Rd2	53			73		
14	Rxa7	b6	34	~~Rd2~~	~~Rf2~~	54			74		
15	Qa1	Nc8	35	Kf7	c3	55			75		
16	Ra3	c6	36	bxc3	bxc3	56			76		
17	Nd2	c5	37	Kc6	Rd3	57			77		
18	Qa2	Rc8	38	Ng5	Kf2	58			78		
19	Nc4	b5	39	Nxe4	dd2	59			79		
20	Nxb5	Qxb5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
aona			Ng Yan Ning			994					